

Số: /2020/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số

46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với:

a) Các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định.

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

- Bảng 1: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Vị Thanh.

- Bảng 2: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn huyện Vị Thủy.

- Bảng 3: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn huyện Long Mỹ.

- Bảng 4: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Ngã Bảy.

- Bảng 5: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn thị xã Long Mỹ.

- Bảng 6: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn huyện Phụng Hiệp.

- Bảng 7: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Bảng 8: Hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2021 trên địa bàn huyện Châu Thành A.

Cách xác định vị trí của thửa đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính, Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các tổ chức, xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chỉ đạo Chi cục Thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở xác định giá

khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

3. Giao cơ quan Thuế căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện thu thuế chuyển quyền sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Thay thế Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Các nội dung khác không được quy định chi tiết tại Quyết định này áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính mà thời điểm xác định giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý phù hợp với tình hình biến động giá đất thị trường tại địa phương.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục Thuế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**